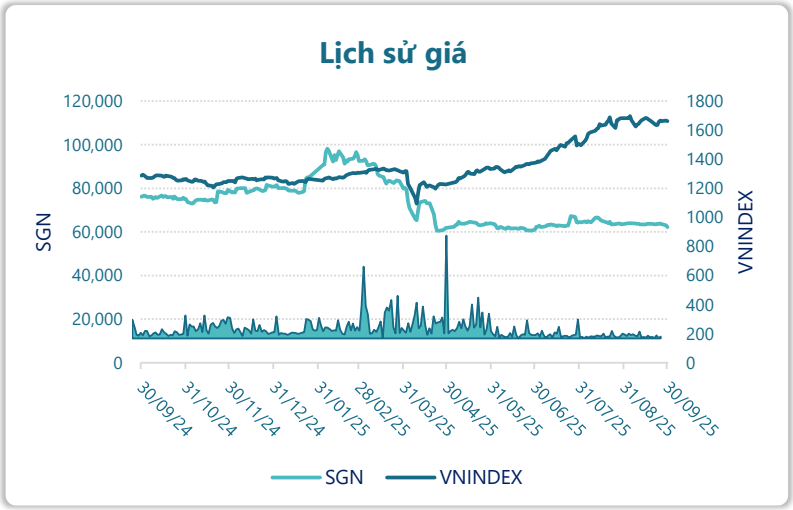
FireAnt

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**64,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	98,143
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,558
SL cổ phiếu LH	33,498,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,810
% sở hữu nước ngoài	27.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,167
P/E	8.9
EPS	7,237

DT thuần

Q3/25

351

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00| -1.4%

YoY: ▼29.0| -7.7%

LN sau thuế

Q3/25

43.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.1| -31.8%

YoY: ▼29.8| -40.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.0%

+/- YoY: ▼ 8.1%

DT thuần

9T 2025

1,125

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.00| -0.3%

LN sau thuế

9T 2025

185

tỷ VNĐ

YoY: ▼25.0| -11.9%

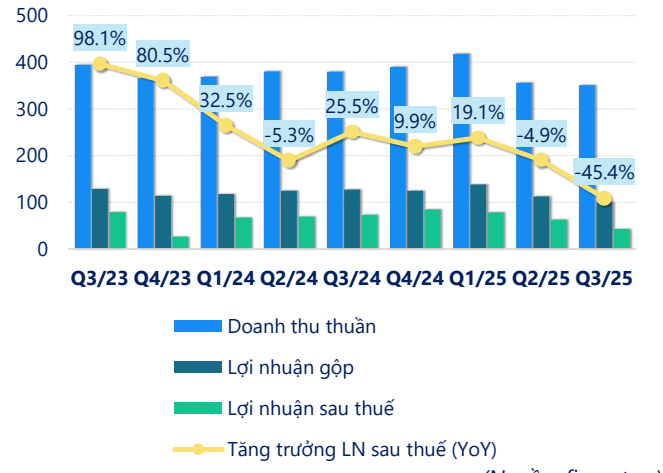
ROE

Q3/25

19.9%

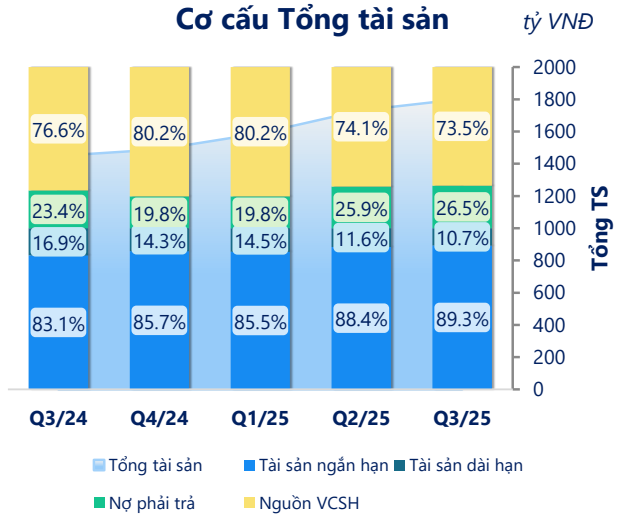
+/- YoY: ▼ 0.9%

Kết quả kinh doanh



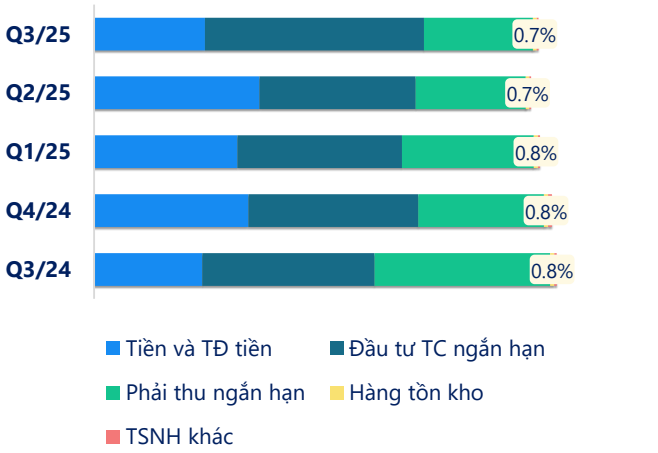
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



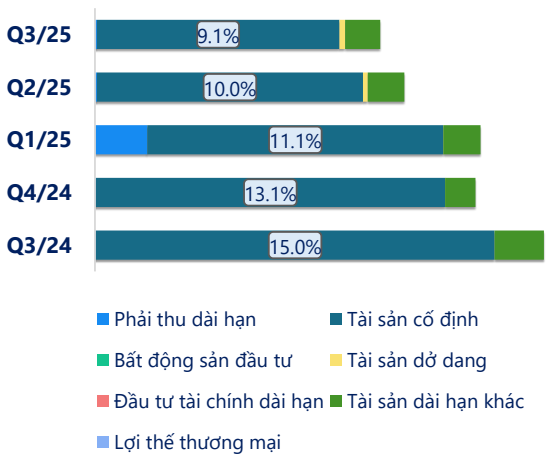
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



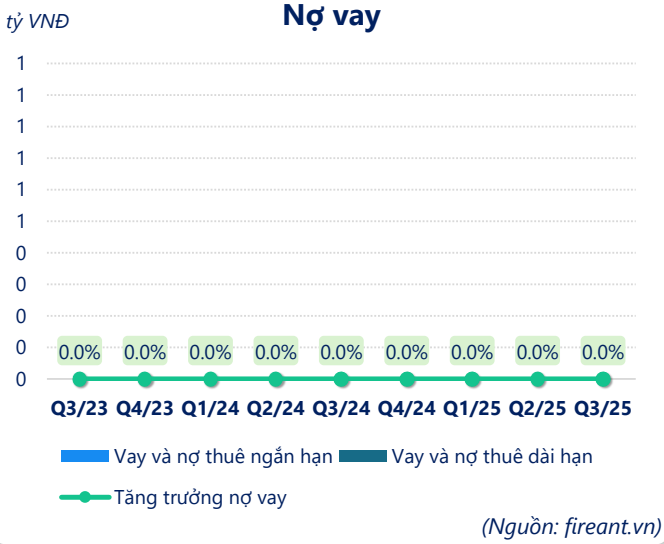
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



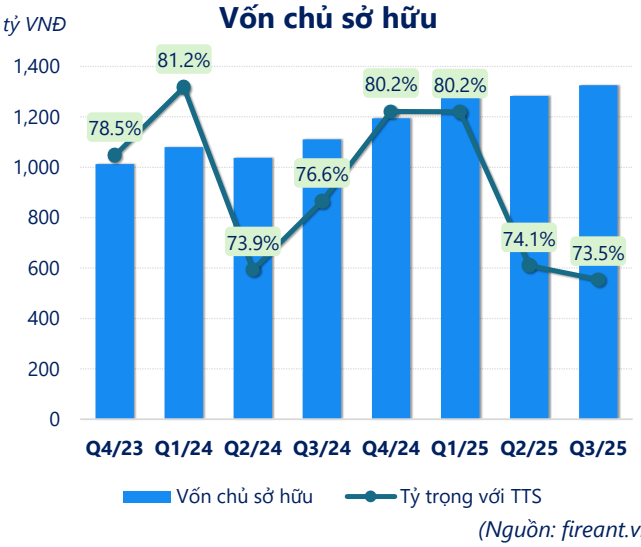
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



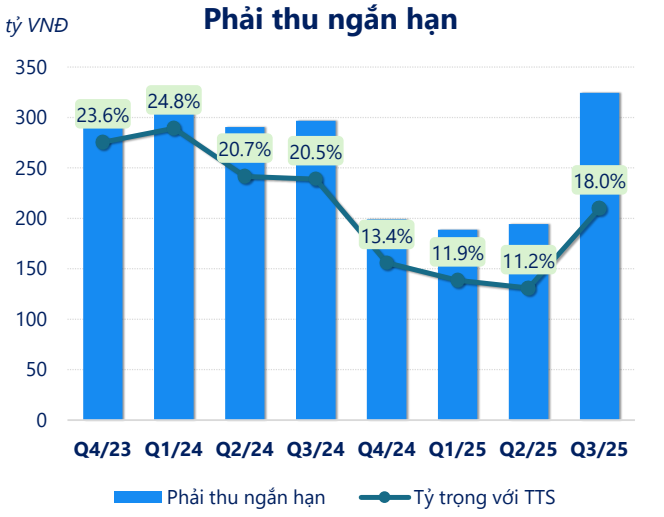
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



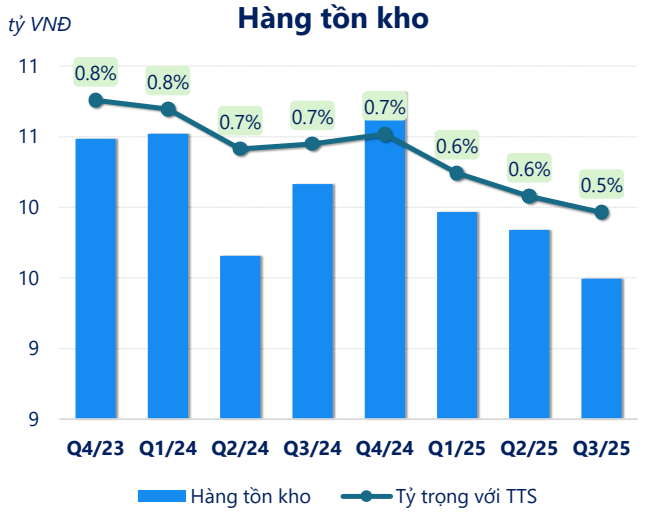
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



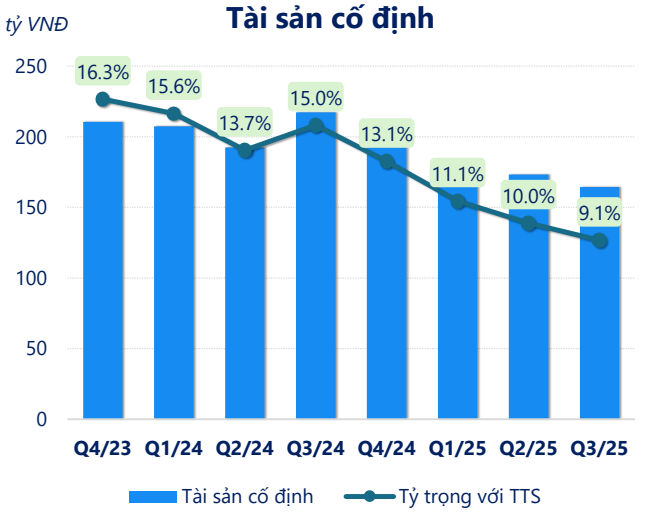
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



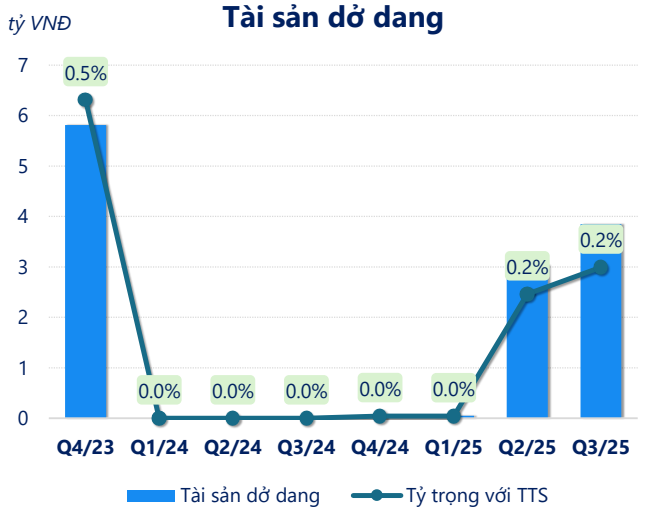
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



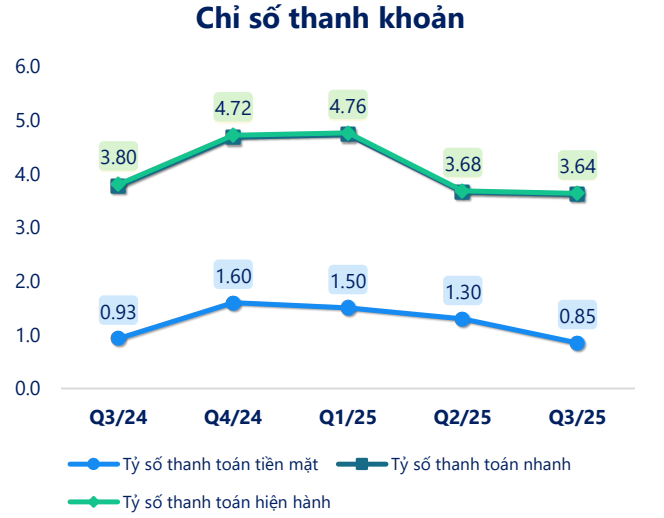
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



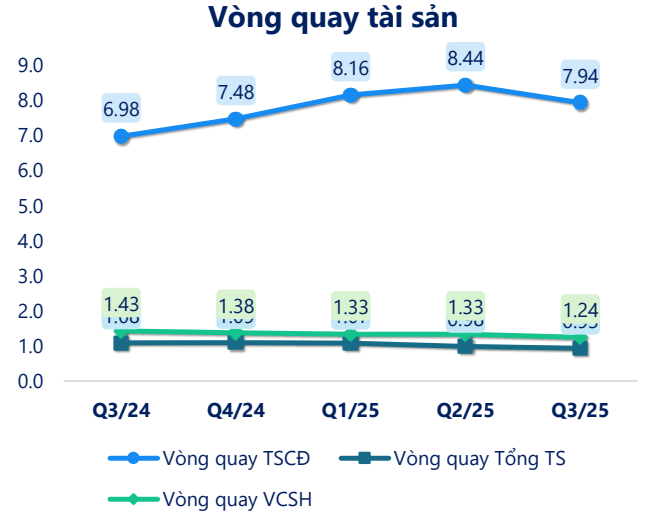
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,448**	**1,489**	**1,589**	**1,731**	**1,802**
Tài sản ngắn hạn	**1,204**	**1,276**	**1,359**	**1,530**	**1,609**
Tiền và tương đương tiền	295	432	428	539	376
Đầu tư tài chính ngắn hạn	597	627	727	777	887
Phải thu ngắn hạn	297	199	189	194	324
Hàng tồn kho	10.2	10.8	9.97	9.84	9.49
Tài sản ngắn hạn khác	5.05	6.67	4.71	9.90	12.3
Tài sản dài hạn	**244**	**213**	**231**	**201**	**193**
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	31.3	1.28	1.28
Tài sản cố định	217	196	177	173	164
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.05	0.05	3.04	3.85
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	26.9	17.0	22.3	23.9	23.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**338**	**295**	**315**	**449**	**477**
Nợ ngắn hạn	**316**	**270**	**285**	**415**	**443**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	38.2	41.4	29.4	11.5	10.7
Nợ dài hạn	21.8	24.2	29.5	33.2	34.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,110**	**1,195**	**1,275**	**1,283**	**1,326**
Vốn chủ sở hữu	**1,110**	**1,195**	**1,275**	**1,283**	**1,326**
Vốn điều lệ	342	336	336	336	336
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)